TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2025/DS-ST
Ngày: 11 – 6 – 2025
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quang Vinh.

Bà Nguyễn Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 3485/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.
Địa chỉ trụ sở: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thân Lê N, sinh năm 1978 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), địa chỉ: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 5427/2023/UQ-TGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023).

Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bị đơn ông Lê Minh T ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng có hiệu lực từ ngày 29 tháng 11 năm 2019). Căn cứ vào thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Mastercard Gold, số thẻ: 526830-9754, hạn mức sử dụng là 32.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.225.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 35.417.677 đồng theo thứ tự thanh toán tại Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng, sau đó thì ngưng không thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 16 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ Mastercard Gold và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 36.332.842 đồng sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (bằng 150% lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại: 2,6%/tháng x 150% = 3,92 %/tháng).

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 là 87.911.278 đồng, gồm: Nợ gốc 36.332.842 đồng, lãi quá hạn với mức lãi suất quá hạn 3,92 %/tháng (bằng 150% lãi suất trong hạn: 2,6%/tháng x 150%) là 51.578.436 đồng. Bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày, không có yêu cầu phản tố, không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Lê Minh T có địa chỉ cư trú tại Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ Giấy ủy quyền số: 5427/2023/UQ-TGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn ủy quyền cho ông Thân Lê N hay mặt nguyên đơn tham gia tố tụng là phù hợp với Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 11025248 ngày 11 tháng 01 năm 2021, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng có hiệu lực từ ngày 29 tháng 11 năm 2019, bảng sao kê tín dụng, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp cho bị đơn thẻ tín dụng Mastercard Gold, số thẻ: 526830-9754, hạn mức sử dụng là 32.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

[7] Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.225.000 đồng và đã thanh toán cho nguyên đơn 35.417.677 đồng, nhưng sau đó bị đơn không thanh toán nữa. Nguyên đơn đều thông báo chi tiết nợ gốc, khoản lãi phát sinh, thời hạn thanh toán cho bị đơn và bị đơn không khiếu nại về vấn đề này. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng, đồng thời chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 36.332.842 đồng.

[8] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 và tiền lãi phát sinh từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy:

[9] Căn cứ Quyết định số: 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06 tháng 8 năm 2019 kèm Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng Sacombank, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn: 2,6%/tháng x 150% = 3,92%/tháng, áp dụng kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với tất cả thẻ tín dụng nguyên đơn phát hành cho khách hàng.

[10] Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán lãi quá hạn tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 là 51.578.436 đồng. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 11025248 ngày 11 tháng 01 năm 2021, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng có hiệu lực từ ngày 29 tháng 11 năm 2019, Quyết định số: 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06 tháng 8 năm 2019 kèm Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng Sacombank.

[11] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Lê Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 là 87.911.278 (Tám mươi bảy triệu, chín trăm mười một ngàn, hai trăm bảy mươi tám) đồng, gồm: Nợ gốc là 36.332.842 (Ba mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn, tám trăm bốn mươi hai) đồng; lãi quá hạn là 51.578.436 (Năm mươi mốt triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi sáu) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 11025248 ngày 11 tháng 01 năm 2021, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng có hiệu lực từ ngày 29 tháng 11 năm 2019, Quyết định số: 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06 tháng 8 năm 2019 kèm Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng Sacombank (Thẻ Mastercard Gold, số thẻ: 526830-9754).

Kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 11025248 ngày 11 tháng 01 năm 2021, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng có hiệu lực từ ngày 29 tháng 11 năm 2019, Quyết định số: 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06 tháng 8 năm 2019 kèm Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng Sacombank, nhưng phải phù hợp với

quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.395.564 (Bốn triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm sáu mươi bốn) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.569.000 (Một triệu, năm trăm sáu mươi chín ngàn) đồng theo Biên lai thu ký hiệu: BLTU/23P, số: 0034387 ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ

TAND QUẬN 1
DE3110625.TL.QDBA
11027